

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 7 – 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh;
2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 488/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc S, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 389, tổ 10, ấp TĐ, xã TT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 18, ấp TT, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 389, tổ 10, ấp TĐ, xã TT, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị Ngọc S vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn C vắng mặt không lý do, bà Huỳnh Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 19/04/2022 của bà Huỳnh Thị Ngọc S; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc S và ông Nguyễn Văn C trước đây tự tìm hiểu, quen biết sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn thì bà Huỳnh Thị Ngọc S và ông Nguyễn Văn C lên Bình Dương làm cho đến nay. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gổ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, ông C không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mỗi khi xảy ra mâu thuẫn thì ông C thường có hành vi bạo lực gia đình đối với bà S, có khi dùng dao, kéo đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của bà S. Bà S và ông C sống ly thân nhau khoảng 06 tháng nay. Quá trình nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông C vẫn có hành vi đe dọa. Nhận thấy không còn tình cảm nên bà S yêu cầu được ly hôn ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống, Bà S và ông C sinh được 01 (một) con chung tên: Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/01/2010 hiện đang sống cùng bà S. Bà S yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/6/2022 nhưng ông C vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C, ông C cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 20/6/2022, bà S có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận làm ăn ở xa.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà S giao nộp: Bản sao Trích lục kết hôn số 443/TLKH-BS ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã NH, huyện AP; bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hải Đ; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Văn C; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Ngọc S.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Hải Đ ngày 20/6/2022; biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Huỳnh Thị T ngày 20/6/2022; biên bản xác minh tại Công an xã NH, huyện AP ngày 28/6/2022; Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Tại phiên tòa, do bà S và ông C cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà S, công bố biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Hải Đ, công bố biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Huỳnh Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh ngày 28/6/2022, đại diện Công an xã NH cho biết: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số nhà 18, ấp TT, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông C đang đi làm tại Bình Dương, Đ ký tạm trú tại địa chỉ: Số 25/1, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố

Thuận An, tỉnh Bình Dương nhưng vẫn trở về địa phương trong các dịp lễ, Tết. Gia đình ông C thường xuyên sinh sống tại địa phương.

- Theo bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Hải Đ cho biết: Cha cháu tên Nguyễn Văn C và mẹ cháu tên Huỳnh Thị Ngọc S. Hiện nay cháu đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại. Nếu cha mẹ không sống cùng nhau thì cháu mong muốn được sống cùng mẹ do mẹ là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ trước đến nay. Cha mẹ chung sống trước đến nay hay xảy ra cãi vã, gây gổ. Mỗi khi xảy ra cãi vã, gây gổ cha hay đánh mẹ, nhiều lần cháu đã đứng ra can ngăn, đôi lúc cha còn dùng dao đe dọa mẹ.

- Theo Biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Huỳnh Thị T cho biết: Bà T là mẹ ruột của bà Huỳnh Thị Ngọc S, sinh năm 1990. Kể từ khi sống ly thân thì bà S chung sống cùng bà T nên bà T biết rõ mâu thuẫn giữa bà S và chồng là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1988. Bà S và ông C trước đây tự tìm hiểu, quen biết sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện AP. Sau khi kết hôn thì bà S và ông C lên Bình Dương làm cho đến nay. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gổ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, ông C không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình. Mỗi khi xảy ra mâu thuẫn thì ông C lại có hành vi bạo lực gia đình đối với bà S, bản thân bà T thường xuyên khuyên nhủ ông C nhưng ông C không thay đổi. Kể từ khi bà S sống ly thân với ông C cho đến nay ông C và gia đình cũng không đến nhà bà T để hàn gắn tình cảm cho cả hai. Do đó, bà T có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà S và ông C sớm được ly hôn. Về con chung: Quá trình chung sống, bà S và ông C sinh được 01 con chung tên: Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/01/2010. Con chung hiện đang sống cùng bà T và bà S. Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông C vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà S có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà T đã có lời khai tại Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà S và ông C đã đến mức trầm trọng, đòi sống hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và sẽ giao con chung cho bà S tiếp tục nuôi dạy, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà S khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn C đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông C đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc S có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Huỳnh Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa Bà Huỳnh Thị Ngọc S và ông Nguyễn Văn C do tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện AP. Ông C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 18, ấp TT, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S cho rằng, quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gổ, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, ông C không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mỗi khi xảy ra mâu thuẫn thì ông C thường có hành vi bạo lực gia đình với bà S, có khi dùng dao, kéo đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của bà S. Bà S và ông C sống ly thân nhau khoảng 06 tháng nay. Quá trình nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông C vẫn có hành vi đe dọa. Những mâu thuẫn mà bà S trình bày được cháu Nguyễn Hải Đ và bà Huỳnh Thị T là mẹ ruột của bà S xác nhận.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà S và ông C lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông C có hành vi bạo lực gia đình, có khi dùng dao, kéo đe dọa đến tính mạng sức khỏe của bà S đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông C và bà S đã có khoảng thời gian sống ly thân nhưng cho đến nay ông C và gia đình cũng không đến nhà bà S để hàn gắn tình cảm đã cho thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, Bà S và ông C sinh được 01 (một)

con chung tên: Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/01/2010. Con chung hiện đang sống cùng bà S. Bà S yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà S và nguyện vọng của cháu Nguyễn Hải Đ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà S được trực tiếp nuôi dạy con chung, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông C cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà S. Ngược lại, bà S cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông C có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà S và ông C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc S được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc S được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/01/2010. Ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Văn C cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Huỳnh Thị Ngọc S. Ngược lại, bà Huỳnh Thị Ngọc S cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Huỳnh Thị Ngọc S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006958 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Huỳnh Thị Ngọc S và ông Nguyễn Văn C. Bà Huỳnh Thị Ngọc S và ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 27/7/2016 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 443/TLKH-BS ngày 27/7/2016) của Ủy ban nhân dân xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc S và ông Nguyễn Văn C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã NH;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn

